CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ

Ngày 31/03/2024	8,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.4%	**1.3%**	**-**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,632 - 12,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	136
Số lượng CPLH (CP)	17,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,460
Sở hữu nước ngoài	2.1%
Beta	0.48
EPS	315
P/E	25.4

DT thuần
Q1/24
633
tỷ VNĐ
QoQ: ▼442| -41.2%
YoY: ▼185| -22.7%

LN thuần
Q1/24
2.46
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10| 153%
YoY: ▲ 3.80| 283%

LN sau thuế
Q1/24
1.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.02| 163%
YoY: ▲ 3.29| 244%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/24
0.4%
YoY: +/-▲ 0.7%

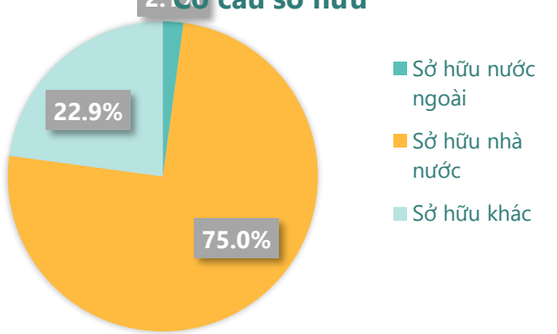
ROE (TTM)
Q1/24
2.6%
YoY: +/-▲ 1.6%

DT thuần
2023
3,257
tỷ VNĐ
YoY: ▼242| -6.9%

LN thuần
2023
-0.41
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.88| -104%

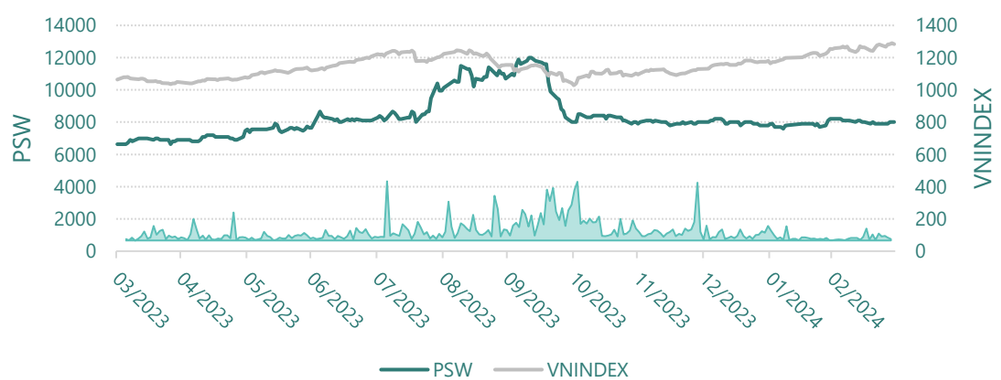
LN sau thuế
2023
2.06
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.14| -81.6%

Cơ cấu sở hữu

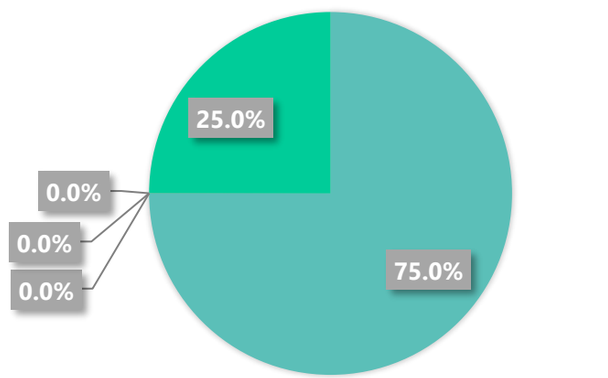


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

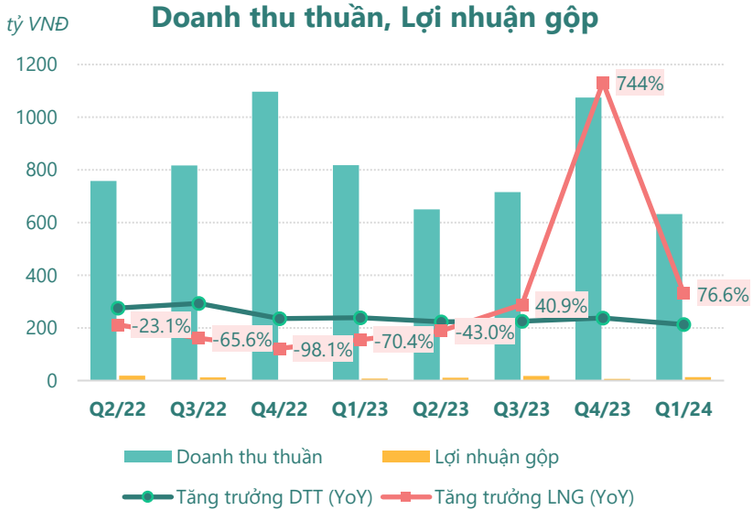


Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP
Nguyễn Thành Công
Mai Hồng Khánh (Trưởng ban kiểm soát)
Lê Thanh Tùng (Phó Giám đốc)
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

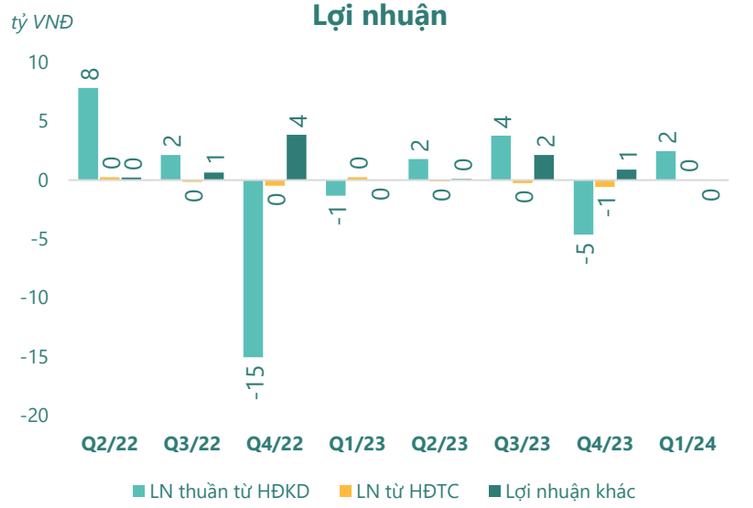
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



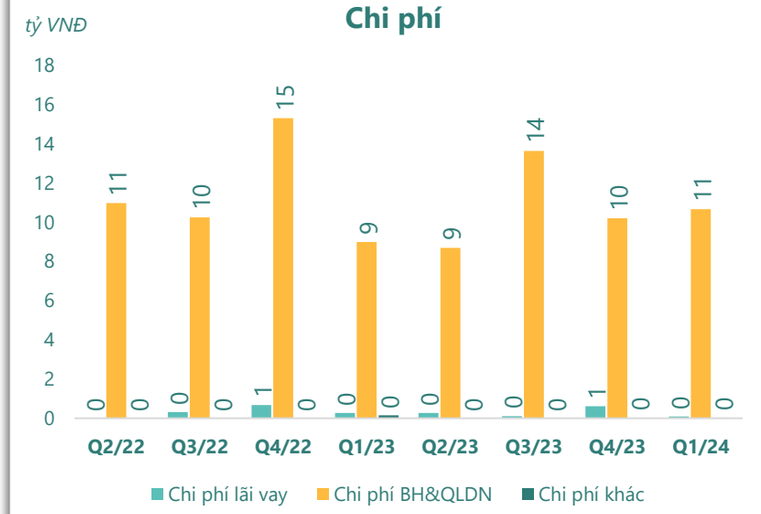
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



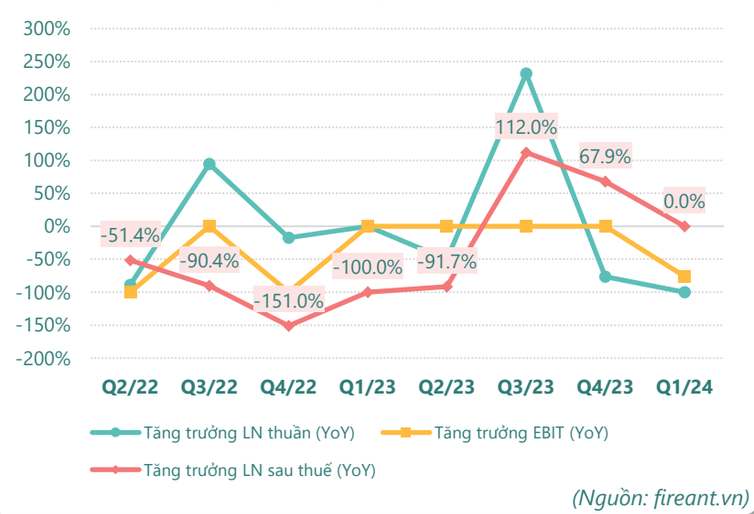
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



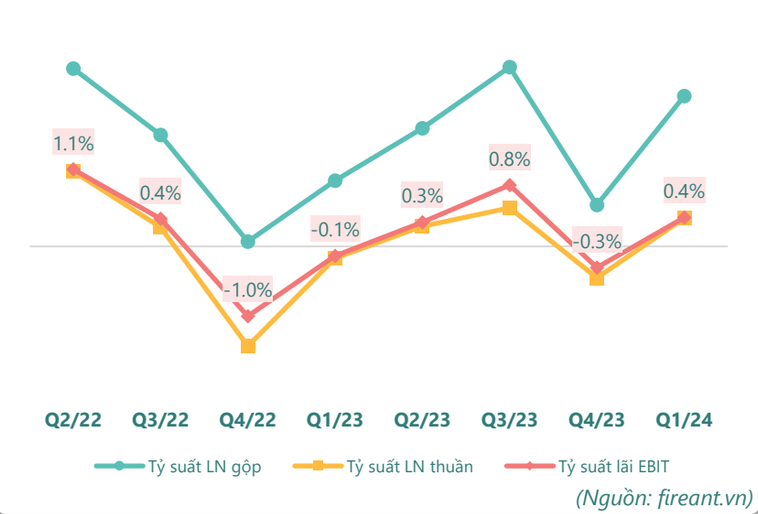
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



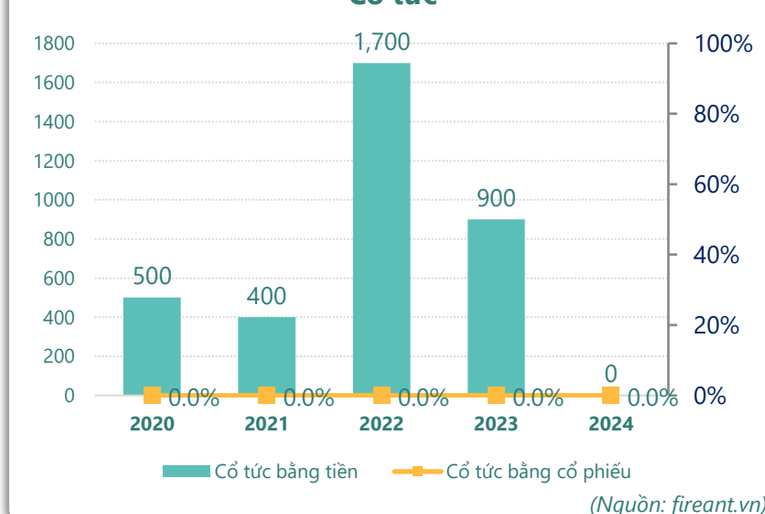
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

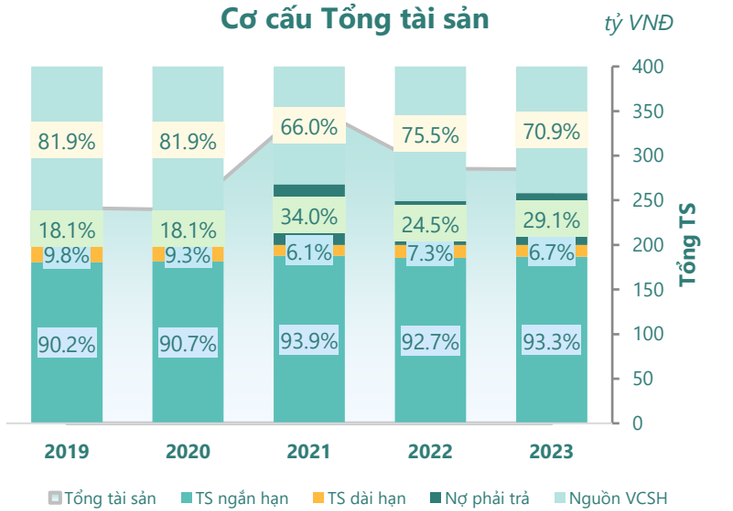
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

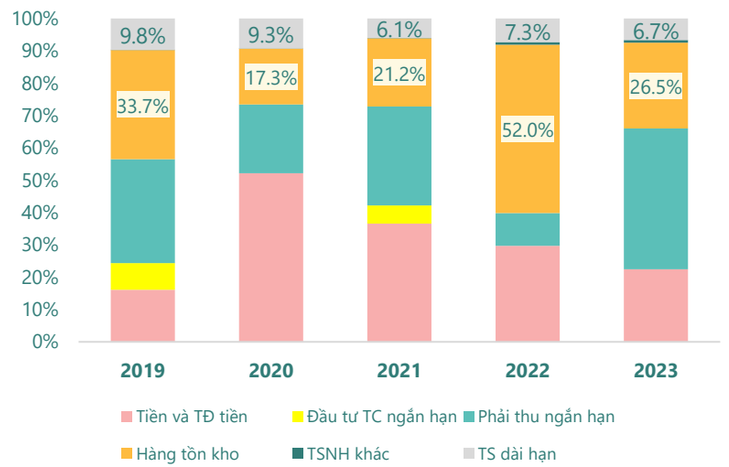
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



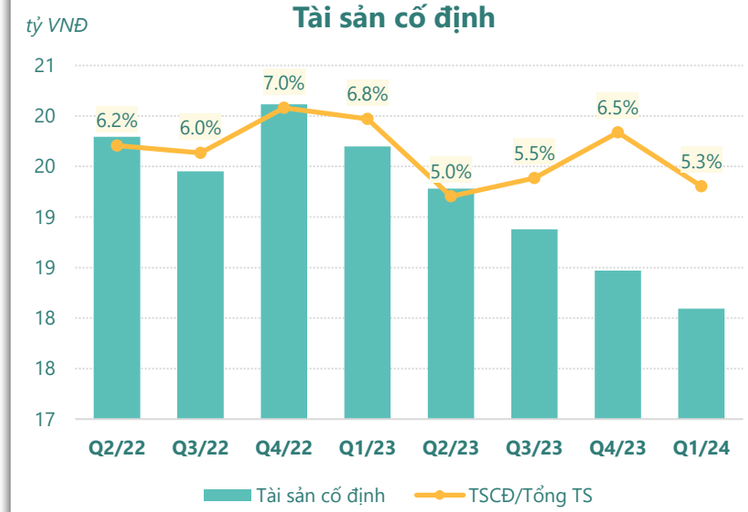
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



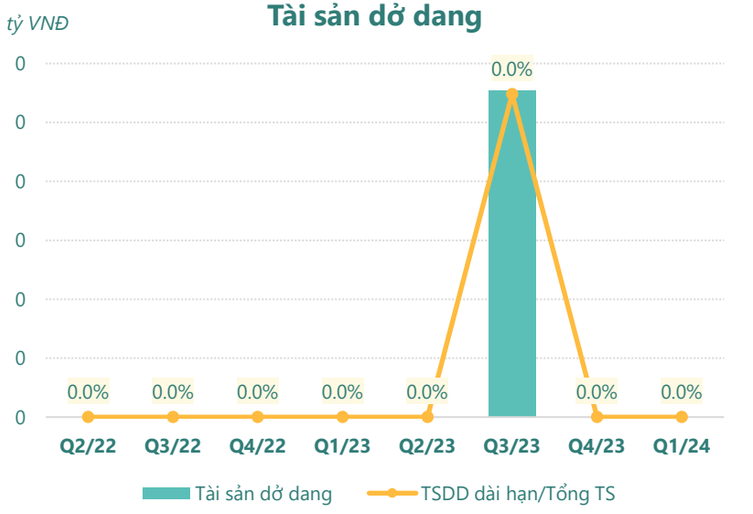
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



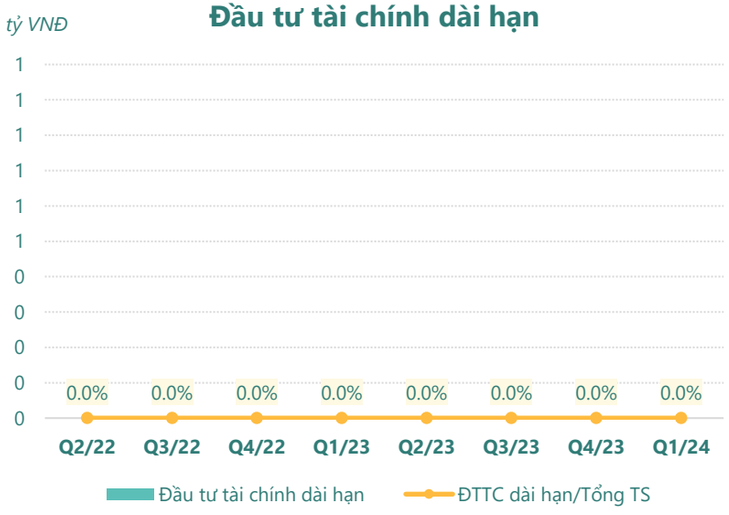
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



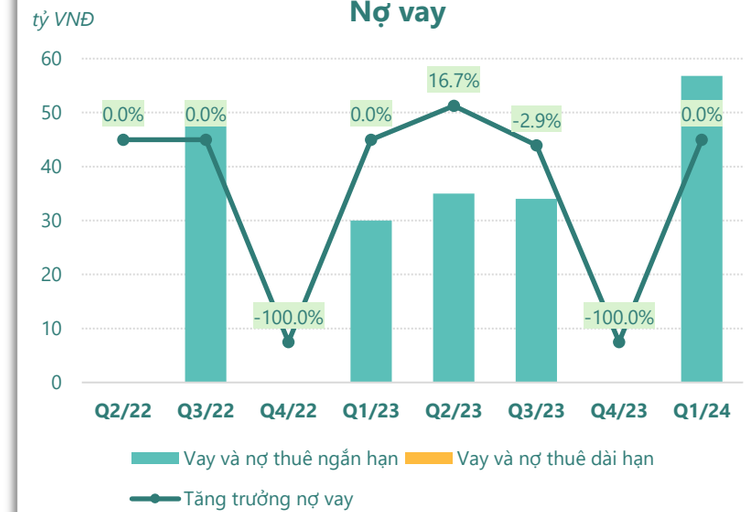
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

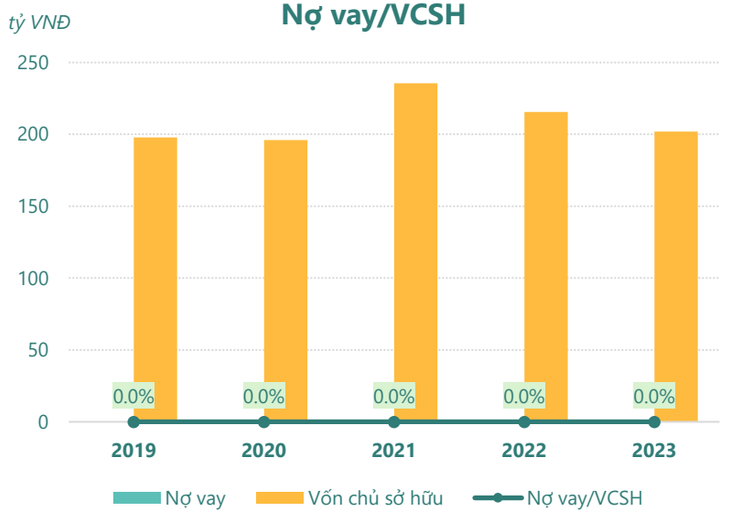
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

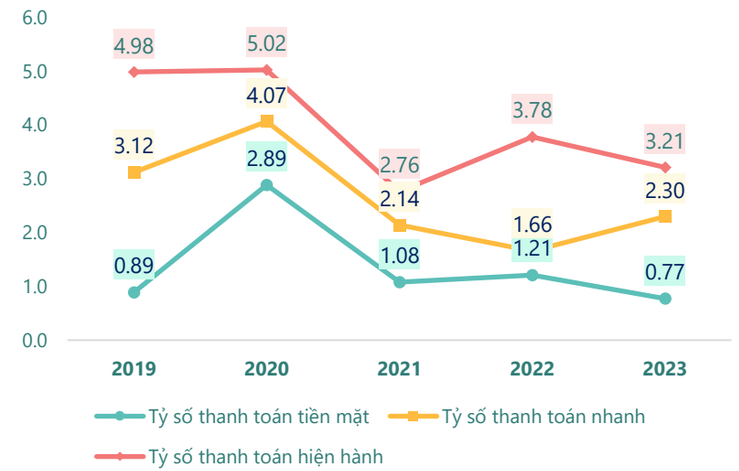
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



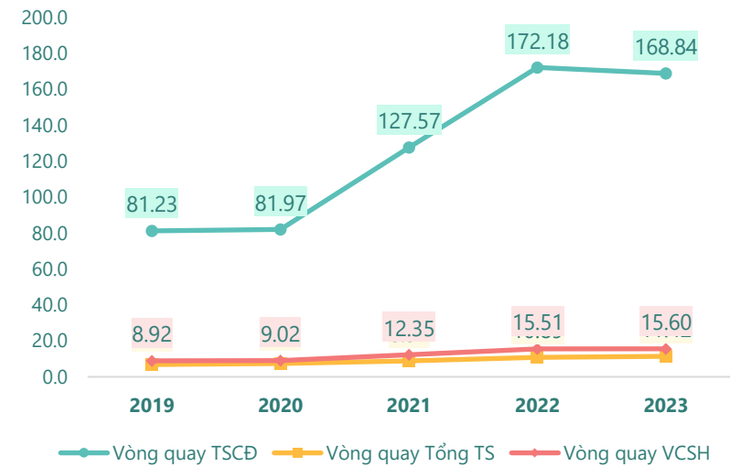
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



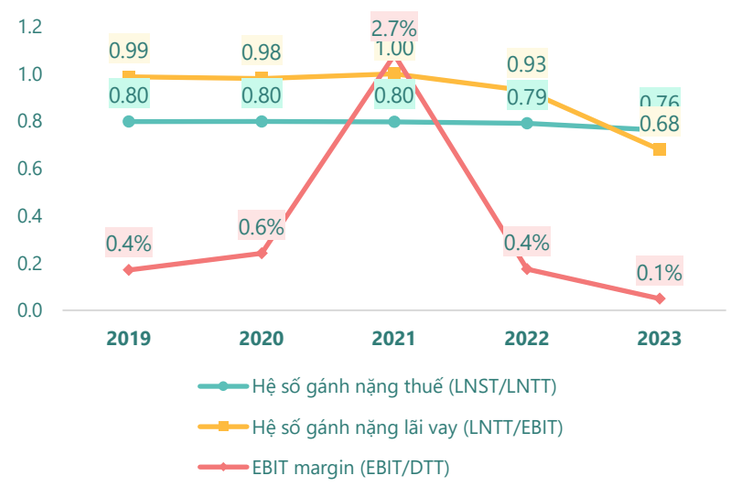
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



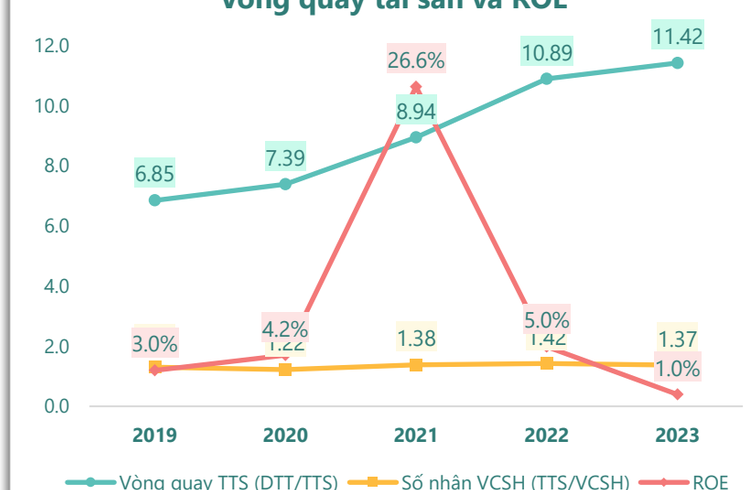
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



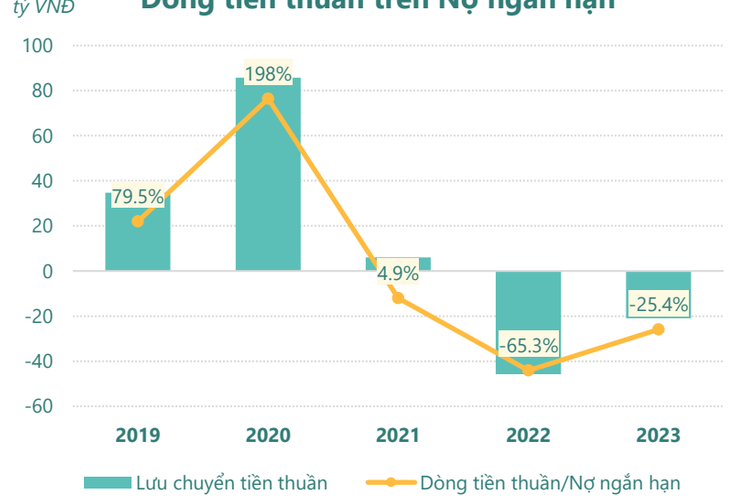
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**633**	**818**	**-22.7%**	**3,257**	**3,499**	**-6.9%**
Giá vốn hàng bán	619	811	-23.6%	3,216	3,442	-6.6%
Lợi nhuận gộp	13.1	7.42	76.6%	41.8	56.9	-26.5%
Doanh thu HĐTC	0.12	0.52	-76.6%	0.83	1.17	-29.5%
Chi phí TC	0.09	0.27	-65.0%	1.51	1.17	28.9%
Chi phí lãi vay	0.09	0.27	-65.0%	1.28	1.09	16.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	6.54	5.70	14.7%	26.2	30.3	-13.4%
Chi phí QLDN	**4.13**	**3.30**	**25.3%**	**15.3**	**17.1**	**-10.5%**
LN thuần từ HĐKD	2.46	-1.34	283%	-0.41	9.47	-104%
Lợi nhuận khác	**-0.04**	**-0.01**	**-260%**	**3.12**	**4.71**	**-33.8%**
LN trước thuế	2.42	-1.35	279%	2.71	14.2	-80.9%
Lợi nhuận sau thuế	**1.94**	**-1.35**	**244%**	**2.06**	**11.2**	**-81.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.94**	**-1.35**	**244%**	**2.06**	**11.2**	**-81.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	121	-107	23.4	-8.26	85.8	-116
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.86	0.55	0.10	0.16	0.04	0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-50.2	29.7	5.00	-16.1	-34.1	56.8
Tiền đầu kỳ	15.2	84.9	8.00	36.5	12.2	63.9
Lưu chuyển tiền thuần	**69.7**	**-76.9**	**28.4**	**-24.2**	**51.7**	**-59.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	84.9	8.00	36.5	12.2	63.9	4.80

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**344**	**285**	**20.7%**
Tài sản ngắn hạn	325	266	22.3%
Tiền và tương đương tiền	4.80	63.9	-92.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	231	124	86.2%
Hàng tồn kho	87.5	75.5	15.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.75	2.31	-24.4%
Tài sản dài hạn	**18.5**	**19.0**	**-2.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.1	18.5	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.44**	**0.50**	**-12.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	140	82.8	69.3%
Nợ ngắn hạn	**140**	**82.8**	**69.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	56.8	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	50.6	56.6	-10.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**204**	**202**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**204**	**202**	**0.8%**
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)